

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: Tài chính Ngân hàng/Tài chính doanh nghiệp**

**1. Tên học phần:**

Tiếng Việt: Tài chính doanh nghiệp 2

Tiếng Anh: Corporate Finance 2

**Mã số học phần:** ĐHCQ0190

**Số tín chỉ học phần:** 4(3,1)

**Số tiết học phần:**

Lý thuyết: 45; Thực hành/thí nghiệm: 30

Tự học: 125

**2. Đơn vị quản lý học phần**

2.1. Giảng viên giảng dạy:

1. TS. Lãnh Thị Hoà

2. ThS. Nguyễn Thị Thương Huyền

2.2. Bộ môn: Tài chính Ngân hàng

2.3. Khoa: Kinh tế

**3. Điều kiện học học phần**

Học sau học phần: Kinh tế chính trị, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế vi mô, Tài chính tiền tệ, Nguyên lý kế toán, Tài chính doanh nghiệp 1

**4. Mục tiêu của học phần:**

Trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, về mục tiêu và vai trò của quản trị tài chính trong doanh nghiệp; nhận diện và hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến công tác tài chính trong doanh nghiệp

**4.1. Kiến thức:**

4.1.1. Trang bị cho sinh viên nắm được kiến thức về cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn của từng nguồn, để từ đó vận dụng vào lựa chọn cơ cấu nguồn vốn tối ưu khi đảm nhiệm các công việc thực tế sau này.

4.1.2. Bên cạnh đó, môn học này còn trang bị kiến thức về chính sách cổ tức, các hình thức chi trả cổ tức cho cổ đông, các chỉ tiêu tài chính để đánh giá và lựa chọn chính sách cổ tức của công ty cổ phần.

4.1.3. Môn học này sẽ trang bị các kiến thức về cách xác định dòng tiền của dự án, các phương pháp đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư trong điều kiện thông thường và trong điều kiện có rủi ro, đánh giá hiệu quả của khoản đầu tư tài chính để nhà quản trị doanh nghiệp có thể đưa ra quyết định đầu tư tối ưu.

4.1.4. Người học sẽ được tiếp cận các nguyên lý cơ bản của tài chính và các công cụ chủ yếu để đưa ra các quyết định tài chính. Đánh giá được giá trị thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời. Đây là các công cụ sẽ được ứng dụng xuyên suốt trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định tài chính của nhà quản trị tài chính doanh nghiệp.

#### 4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Hình thành các kỹ năng cơ bản như kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày và giải quyết vấn đề,...

4.2.2. Hình thành các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng dự đoán, kỹ năng phân tích tình huống, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức...

4.2.3. Rèn luyện kỹ năng mềm như kỹ năng xử lý và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...

4.2.4. Rèn luyện kỹ năng xã hội cơ bản trong hoạt động chuyên môn để lập luận, minh chứng xác thực, thuyết phục trong phân tích lý thuyết và giải quyết tình huống thực tiễn cũng như đưa ra các quyết định tài chính.

#### 4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

4.3.1. Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tuân thủ quy chế của đơn vị.

4.3.2. Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức xã hội.

4.3.3. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

4.3.4. Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao.

4.3.5. Chủ động sẵn sàng hội nhập thị trường lao động trong nước và quốc tế.

### 5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Hiểu được những nguyên lý kinh tế cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin để việc giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế học như vốn kinh doanh, doanh thu, chi phí, lợi nhuận...v.v. của doanh nghiệp.

2. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ cho các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

3. Có kiến thức cơ bản và toàn diện về hệ thống tài chính ngân hàng như: hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế, tài chính trong nền kinh tế; nắm vững cơ chế

chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng phù hợp trong thực tiễn....Có khả năng tự cập nhật các vấn đề mới và những thay đổi trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng để phục vụ công tác chuyên môn.

4. Có kiến thức tổng hợp và toàn diện về tài chính doanh nghiệp, nắm vững các mối quan hệ tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu biết về đặc điểm và tác dụng của các công cụ tài chính, các công cụ quản trị tài chính doanh nghiệp. Có kiến thức và nắm vững các quy định của nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp, về cơ chế giám sát tài chính doanh nghiệp.

5. Phân tích, đánh giá các quy luật kinh tế, các mối quan hệ tài chính, nhận diện rủi ro, nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp để tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính hiệu quả.

6. Có khả năng thiết lập hệ thống giám sát, quản trị rủi ro tài chính, quản trị dòng tiền, dự báo tài chính cho các doanh nghiệp, xây dựng được cơ chế quản lý tài chính để có thể trở thành một CFO.

7. Hình thành các kỹ năng chuyên môn như kỹ năng dự đoán, kỹ năng phân tích tình huống, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức...

8. Hình thành các kỹ năng mềm như kỹ năng xử lý và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập,...

9. Hình thành kỹ năng xã hội cơ bản trong hoạt động chuyên môn để lập luận, minh chứng xác thực, thuyết phục trong phân tích lý thuyết và giải quyết tình huống thực tiễn. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

## **6. Tóm tắt nội dung học phần**

Môn học “Tài chính doanh nghiệp 2” là môn học nghiệp vụ về quản trị tài chính doanh nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giá trị theo thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời. Những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đầu tư, dự án đầu tư, cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư, các nguyên tắc xác định dòng tiền của dự án và các phương pháp chủ yếu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư. Môn học sẽ trang bị kiến thức về cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp cũng như chi phí sử dụng vốn của từng nguồn, chi phí sử dụng vốn bình quân và chi phí sử dụng vốn cận biên. Ngoài ra học phần còn cung cấp các kiến thức về chính sách cổ tức của công ty cổ phần. Tóm lại, TCDN 2 sẽ giúp sinh viên hiểu và nắm được nghiệp vụ quản trị chính sách đầu tư vốn, chính sách huy động vốn và chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nội dung môn học được thiết kế phù hợp và đáp ứng yêu cầu của phương thức đào tạo theo tín chỉ, là cơ sở để thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra -



đánh giá nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ quản lý tài chính doanh nghiệp nói riêng và cán bộ quản lý tài chính - kế toán cho nền kinh tế.

## 7. Cấu trúc nội dung học phần

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
<b>Chương 6</b>	<b>Giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	4.1.4 4.2.1
6.1	Giá trị theo thời gian của tiền	3,5	3	0,5	4.2.2
6.2	Rủi ro và tỷ suất sinh lời	3,5	3	0,5	4.2.3
	Bài tập chương 6	3		3	4.2.4 4.3.1 4.3.2 4.3.3 4.3.4 4.3.5
<b>Chương 7</b>	<b>Dự án đầu tư và dòng tiền của dự án đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	4.1.3 4.2.1
7.1	Đầu tư và dự án đầu tư của doanh nghiệp	0,5	0,5		4.2.2
7.2	Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định đầu tư dài hạn	0,5	0,5		4.2.3 4.2.4
7.3	Dòng tiền của dự án đầu tư	7	5	2	4.3.1
7.4	Các nguyên tắc cơ bản khi xác định dòng tiền của dự án đầu tư	1,5	1,5		4.3.2 4.3.3
7.5	Ảnh hưởng của khấu hao đến dòng tiền của dự án đầu tư	1,5	1,5		4.3.4 4.3.5
	Bài tập chương 7	4		4	
<b>Chương 8</b>	<b>Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong thực tiễn</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	4.1.3 4.2.1
8.1	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong điều kiện giới hạn vốn đầu tư	1	0,5	0,5	4.2.2 4.2.3
8.2	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong trường hợp đầu tư thay thế	6	5	1	4.2.4 4.3.1
8.3	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong điều kiện thuê hay mua	2	1	1	4.3.2 4.3.3
8.4	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư xung khắc trong điều kiện tuổi thọ không bằng nhau	1	0,5	0,5	4.3.4 4.3.5
8.5	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư khi xảy ra mâu thuẫn giữa phương pháp NPV và IRR	1,5	1	0,5	
8.6	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong điều kiện có rủi ro	1,5	1	0,5	
	Bài tập chương 8	2		2	



Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	LT	TH/TN	
<b>Chương 9</b>	<b>Cổ tức của công ty cổ phần</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>6</b>	4.1.2
9.1	Những vấn đề cơ bản về cổ tức	1	1		4.2.1
9.2	Những yếu tố cần xem xét khi ra quyết định trả cổ tức	1	1		4.2.2 4.2.3
9.3	Chính sách cổ tức của công ty cổ phần	5	4	1	4.2.4
9.4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và mua lại cổ phần	3	2	1	4.3.1
	Bài tập chương 9	4		4	4.3.2 4.3.3 4.3.4 4.3.5
	Kiểm tra điều kiện	1	1		
<b>Chương 10</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp</b>	<b>20</b>	<b>12</b>	<b>8</b>	4.1.1 4.2.1
10.1	Nguồn vốn của doanh nghiệp	2	2		4.2.2
10.2	Cơ cấu nguồn vốn và hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp	2	1	1	4.2.3 4.2.4
10.3	Chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp	12	9	3	4.3.1
	Bài tập chương 10	4		4	4.3.2 4.3.3 4.3.4 4.3.5

### 8. Phương pháp giảng dạy

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp thảo luận nhóm
- Phương pháp thuyết trình, đàm thoại,...

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Làm bài kiểm tra điều kiện theo quy định của giảng viên
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 12

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

10.1. Cách đánh giá: Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm chuyên cần	Số tiết sinh viên tham dự học/tổng số tiết quy định. Ý	10%	Sinh viên không tham dự đủ 70% số

		thức, thái độ học tập trên lớp, ý thức chuẩn bị bài, làm bài tập ... của sinh viên.		tiết học trên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần.
2	Điểm quá trình	Bài kiểm tra điều kiện tự luận	30%	Không làm bài kiểm tra điều kiện thi điểm quá trình là 0.
3	Thi kết thúc học phần	Thi trắc nghiệm + Tự luận (90 phút)	60%	

## 10.2. Cách tính điểm:

Điểm học phần bao gồm điểm điểm chuyên cần (đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận); điểm đánh giá quá trình (điểm bài tập lớn) và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

## 11. Tài liệu học tập

### 11.1. Tài liệu chính

[1] TS Bùi Văn Vân, TS Vũ Văn Ninh, Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, (2015).

### 11.2. Tài liệu tham khảo

[2] PGS. TS Bùi Văn Vân, PGS.TS Đoàn Hương Quỳnh, HD LT & TH môn học TCDN)- NXB Tài chính (2019).

[3] TS. Đoàn Hương Quỳnh - TS. Nguyễn Thị Hà, Tài chính doanh nghiệp 300 câu hỏi trắc nghiệm, NXB Tài chính, (2015).

[4] TS. Nguyễn Minh Kiều, Tài chính doanh nghiệp (Lý thuyết, bài tập và bài giải)- Nhà xuất bản Thống kê, năm 2008.

[5] PGS.TS Bùi Văn Vân, PGS.TS Vũ Văn Ninh, Bài tập lớn Tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, (2015).

[6] Ross Westerfield Jaffe, Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance tenth Edition, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, (2020).

## 12. Hướng dẫn tự học của học phần

Chương	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	SV cần chuẩn bị
6	Giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro	6	5	6	Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6]
7	Dự án đầu tư và dòng tiền của	9	8	9	Tài liệu [1], [2],

Chương	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	SV cần chuẩn bị
	dự án đầu tư				[3], [4], [5], [6]
8	Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư trong thực tiễn	8	8	8	Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6]
9	Cổ tức của công ty cổ phần	8	4	8	Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6]
10	Cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp	4	2	4	Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5], [6]
		45	35	45	

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 11 năm 2022



**HIỆU TRƯỞNG**

TS. Hoàng Hùng Thắng

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

TS. Lãnh Thị Hòa

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Thị Thương Huyền